

Số: 541 /2016/WSB

Cần Thơ, ngày 26 tháng 8 năm 2016

(Về việc CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất
đã soát xét 6 tháng đầu năm 2016)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 0710 3 843 333 Fax: 0710 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Phạm Đình Hùng
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

I. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

II. Giải trình các nội dung liên quan đến BCTC sau soát xét:

1. Về chênh lệch lợi nhuận lũy kế giữa Báo cáo tài chính hợp nhất trước và sau soát xét (từ 46.654,57 triệu đồng giảm còn 42.809,63 triệu đồng), nguyên nhân chủ yếu bao gồm:

- Trích bổ sung 3.125,9 triệu đồng chi phí khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý của Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng 06 tháng đầu năm tại Công ty mẹ, làm lợi nhuận trước thuế và sau thuế giảm tương ứng.

- Tăng chi phí thuế TNDN phải nộp 6 tháng đầu năm của Công ty mẹ 718,9 triệu đồng làm lợi nhuận sau thuế giảm tương ứng.

2. Giải trình ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán:

Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã nộp tạm bổ sung vào ngân sách nhà nước 131.508.005.554 đồng tiền thuế TTĐB cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/12/2015 (theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 04/02/2015 của Kiểm toán Nhà nước và theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8/12/2015 của Bộ Tài chính).

Theo quan điểm của Ban Giám đốc Công ty, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này sẽ được Công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn

hoàn trả lại. Đến thời điểm phát hành BCTC giữa niên độ, vẫn chưa có kết luận thống nhất cuối cùng từ Công ty mẹ để xử lý khoản thuế TTĐB này. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế mà chỉ ghi nhận như một khoản phải thu từ Công ty mẹ với tổng số tiền là 131.508.005.554 đồng vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2016.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Phạm Đình Hùng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 37

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Vê	Thành viên	
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Công Tước	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Đình Hùng – Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60876373/18741213/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 25 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, số thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") phải nộp bổ sung cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 9 tháng năm 2015 theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính với tổng số tiền là 114.051.215.051 VND. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đã ước tính tính số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 17.456.790.503 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã nộp 131.508.005.554 VND tiền thuế TTĐB bổ sung vào Ngân sách Nhà Nước. Tuy nhiên, theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này sẽ được Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Nhóm Công ty, hoàn trả lại. Do đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung như một khoản phải thu từ công ty mẹ với tổng số tiền là 131.508.005.554 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này từ công ty mẹ. Nếu Nhóm Công ty ghi nhận toàn bộ số thuế TTĐB nộp bổ sung này thì kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 131.508.005.554 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng sẽ giảm cùng một số tiền tương ứng là 131.508.005.554 VND.



Building a better
working world

Kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2016. Đồng thời, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 11 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

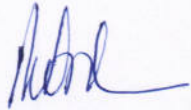
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		232.880.156.821	264.638.705.123
110	I. Tiền	4	1.121.807.317	1.302.904.834
111	1. Tiền		1.121.807.317	1.302.904.834
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		151.263.946.171	201.197.676.972
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	11.196.905.935	65.951.048.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.916.757.600	1.514.069.884
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	133.142.926.913	134.380.559.018
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	-	(648.000.000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		7.355.723	-
140	III. Hàng tồn kho	7	77.320.529.642	61.518.993.613
141	1. Hàng tồn kho		77.320.529.642	61.518.993.613
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.173.873.691	619.129.704
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.173.873.691	619.129.704
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		817.995.608.549	853.178.185.048
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.000.000	3.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		3.000.000	3.000.000
220	II. Tài sản cố định		730.346.096.887	761.288.641.076
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	730.346.096.887	761.288.641.076
222	Nguyên giá		998.603.268.394	1.001.309.288.820
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(268.257.171.507)	(240.020.647.744)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	Nguyên giá		73.881.710	73.881.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.881.710)	(73.881.710)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.745.325.769	255.396.236
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.745.325.769	255.396.236
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	50.673.620.616	52.735.907.401
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		38.418.433.816	40.480.720.601
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.255.186.800	12.255.186.800
260	V. Tài sản dài hạn khác		32.227.565.277	38.895.240.335
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	32.227.565.277	35.690.639.102
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	3.204.601.233
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.050.875.765.370	1.117.816.890.171

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		593.879.725.050	657.915.474.874
310	I. Nợ ngắn hạn		405.645.725.050	412.120.021.749
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	77.092.259.367	102.736.782.597
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	36.190.909.200	36.448.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	79.107.297.648	75.840.105.319
314	4. Phải trả người lao động		10.466.549.913	11.171.539.154
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	15.202.885.532	7.087.687.356
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	20.514.648.437	4.455.374.835
320	7. Vay ngắn hạn	17	164.997.860.605	197.469.396.293
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.073.314.348	13.322.687.495
330	II. Nợ dài hạn		188.234.000.000	245.795.453.125
337	1. Phải trả dài hạn khác		234.000.000	234.000.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	17	188.000.000.000	245.500.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		-	61.453.125
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		456.996.040.320	459.901.415.297
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	456.996.040.320	459.901.415.297
411	1. Vốn cổ phần	18.1	145.000.000.000	145.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		145.000.000.000	145.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư và phát triển		205.122.939.516	204.940.923.641
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		106.873.100.804	109.960.491.656
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		64.063.466.104	49.355.958.191
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		42.809.634.700	60.604.533.465
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.050.875.765.370	1.117.816.890.171


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



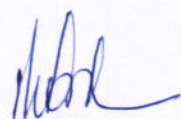

Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	429.403.367.855	368.704.616.149
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(352.377.657.076)	(292.576.155.983)
20	3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		77.025.710.779	76.128.460.166
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	2.581.765.889	3.117.053.243
22	5. Chi phí tài chính		(13.480.972.424)	(12.822.954.553)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(13.480.972.424)	(12.822.954.553)
24	6. Phần lãi từ công ty liên kết		2.942.713.215	3.873.640.891
25	7. Chi phí bán hàng	21	(5.954.667.896)	(89.869.784)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(14.933.856.984)	(13.779.045.597)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.180.692.579	56.427.284.366
31	10. Thu nhập khác	22	2.599.547.363	195.878.318
32	11. Chi phí khác	22	(3.929.355.681)	(2.083.903)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	22	(1.329.808.318)	193.794.415
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.850.884.261	56.621.078.781
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(4.041.249.561)	(5.782.883.715)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		42.809.634.700	50.838.195.066
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.510	2.995
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	2.510	2.995

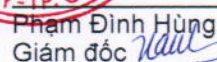


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		46.850.884.261	56.621.078.781
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	8, 9	34.418.586.501	34.906.909.248
03	Dự phòng		(709.453.125)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.901.965.998)	(756.587.648)
06	Chi phí lãi vay		13.480.972.424	12.822.954.553
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		86.139.024.063	103.594.354.934
09	Giảm các khoản phải thu		51.784.332.034	10.919.433.772
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(15.801.536.029)	12.918.970.769
11	Giảm các khoản phải trả		(15.634.519.498)	(129.004.862.358)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		908.329.838	(14.146.030.338)
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.045.549.794)	(13.531.974.591)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(3.697.370.557)	(10.172.679.557)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.464.382.824)	(7.710.886.550)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		78.188.327.233	(47.133.673.919)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(8.128.221.382)	(40.709.786.396)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		37.668.146.926	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia		9.577.355.394	4.299.796.202
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		39.117.280.938	(36.409.990.194)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	415.663.221.765	67.008.433.569
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(505.634.757.453)	(83.666.762.759)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(27.515.170.000)	(26.710.787.775)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(117.486.705.688)	(43.369.116.965)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(181.097.517)	(126.912.781.078)
60	Tiền đầu kỳ		1.302.904.834	143.087.347.918
70	Tiền cuối kỳ		1.121.807.317	16.174.566.840

Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng ("SSB"), được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2200584204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23 tháng 6 năm 2011 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Trụ sở của SSB tại Lô S, Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 262 (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 289).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất giữa niên độ được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cho hoạt động sản xuất | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	3 – 20 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ từ năm 2006 đến năm 2014 trong thời hạn từ 10 năm đến 32 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại nếu có phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Trường hợp phát sinh lợi thế thương mại âm thì sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo hướng dẫn tại Công văn số 7228/BTC-TCĐN do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2010, trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi thực tế phát sinh.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	116.385.791	329.675.218
Tiền gửi ngân hàng	1.005.421.526	973.229.616
TỔNG CỘNG	<u>1.121.807.317</u>	<u>1.302.904.834</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	11.192.151.766	65.771.759.320
Phải thu từ khách hàng khác	4.754.169	179.288.750
TỔNG CỘNG	<u>11.196.905.935</u>	<u>65.951.048.070</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(648.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>11.196.905.935</u>	<u>65.303.048.070</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	2.672.727.272	-
Văn phòng đại diện-Công Ty Kronos AG Việt Nam	2.047.017.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Phong	-	648.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Sông Lam	-	205.836.182
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.045.573.109	508.793.483
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)	151.440.219	151.440.219
TỔNG CỘNG	6.916.757.600	1.514.069.884

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Cổ tức phải thu	-	2.002.000.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt chi hộ (*)	131.508.005.554	131.508.005.554
Tạm ứng cho nhân viên	1.103.621.287	856.023.839
Ký quỹ, ký cược	9.000.000	5.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	522.300.072	9.529.625
TỔNG CỘNG	133.142.926.913	134.380.559.018
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác từ các bên thứ ba	1.513.763.404	870.553.464
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	131.629.163.509	133.510.005.554
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	3.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000	3.000.000

(*) Nhóm Công ty phải nộp bổ sung thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 9 tháng năm 2015 theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính với số tiền lần lượt là 24.841.512.278 VND và 89.209.702.773 VND. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đã ước tính số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 17.456.790.503 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã nộp 131.508.005.554 VND tiền thuế TTĐB bổ sung vào Ngân sách Nhà Nước. Tuy nhiên, theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này sẽ được Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Nhóm Công ty, hoàn trả lại. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 mà chỉ ghi nhận như một khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc vẫn chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do công ty mẹ hay Nhóm Công ty chịu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nguyên liệu, vật liệu	24.446.527.650	19.534.844.577
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.392.559.501	20.347.410.280
Công cụ, dụng cụ	16.619.453.075	7.172.782.240
Thành phẩm	12.413.024.310	13.671.650.916
Hàng mua đang đi trên đường	2.435.142.379	785.305.600
Hàng hóa	13.822.727	7.000.000
TỔNG CỘNG	<u>77.320.529.642</u>	<u>61.518.993.613</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	186.791.890.770	792.313.437.434	10.788.393.806	11.415.566.810	1.001.309.288.820
Mua trong kỳ	153.636.364	190.960.323	1.000.000.000	298.000.000	1.642.596.687
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.995.695.162	-	-	-	1.995.695.162
Thanh lý trong kỳ	-	(6.241.960.975)	(102.351.300)	-	(6.344.312.275)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	188.941.222.296	786.262.436.782	11.686.042.506	11.713.566.810	998.603.268.394
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	5.922.732.385	52.973.517.031	3.286.952.294	2.987.472.730	65.170.674.440
Chờ thanh lý	13.845.086.835	73.168.055.238	-	172.448.159	87.185.590.232
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(31.605.172.769)	(195.694.605.524)	(6.973.269.077)	(5.747.600.374)	(240.020.647.744)
Khấu hao trong kỳ	(4.639.455.029)	(28.783.550.840)	(463.856.356)	(531.724.276)	(34.418.586.501)
Thanh lý	-	6.079.711.438	102.351.300	-	6.182.062.738
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(36.244.627.798)	(218.398.444.926)	(7.334.774.133)	(6.279.324.650)	(268.257.171.507)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	155.186.718.001	596.618.831.910	3.815.124.729	5.667.966.436	761.288.641.076
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	152.696.594.498	567.863.991.856	4.351.268.373	5.434.242.160	730.346.096.887
Trong đó:					
Thế chấp (Thuyết minh số 17)	126.336.004.914	504.161.948.824	1.937.047.332	2.916.261.084	635.351.262.154
Chờ thanh lý	4.955.561.759	10.440.348.978	-	-	15.395.910.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND
Phần mềm kế toán

Nguyên giá

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 73.881.710

Giá trị hao mòn lũy kế

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 (73.881.710)

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 -

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi phí Nhà máy Sóc Trăng	1.848.514.610	-
Hệ thống lạnh ghép tầng	203.368.214	173.850.000
Khác	2.693.442.945	81.546.236
TỔNG CỘNG	<u>4.745.325.769</u>	<u>255.396.236</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.1)	38.418.433.816	40.480.720.601
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.2)	12.255.186.800	12.255.186.800
TỔNG CỘNG	<u>50.673.620.616</u>	<u>52.735.907.401</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	20	<u>38.418.433.816</u>	20	<u>40.480.720.601</u>

VND

Công ty Cổ phần Bia
Sài Gòn – Bạc Liêu

Giá trị đầu tư:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 7.000.000.000

Phần lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 33.480.720.601
Phần lãi trong công ty liên kết 2.942.713.215
Nhận cổ tức (5.005.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 31.418.433.816

Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 40.480.720.601
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 38.418.433.816

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu (“BSB”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1900333973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh. BSB có trụ sở chính tại Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam. Hoạt động chính của BSB là sản xuất bia, đồ uống có cồn và nước giải khát.

11.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	10.100.000.000	1.010.000	9,71	10.100.000.000	1.010.000	9,71
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	<u>2.155.186.800</u>	145.060	1,28	<u>2.155.186.800</u>	145.060	1,28
TỔNG CỘNG	<u>12.255.186.800</u>			<u>12.255.186.800</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	396.932.348	272.723.277
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.884.734.044	-
Khác	892.207.299	346.406.427
TỔNG CỘNG	3.173.873.691	619.129.704
Dài hạn		
Tiền thuê đất	11.277.632.486	11.564.322.308
Chai kết luân chuyển	13.952.647.405	17.004.316.329
Công cụ, dụng cụ	1.145.748.679	386.875.018
Khác	5.851.536.707	6.735.125.447
TỔNG CỘNG	32.227.565.277	35.690.639.102

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho người bán khác	9.250.065.765	7.859.891.856
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	67.842.193.602	94.876.890.741
TỔNG CỘNG	77.092.259.367	102.736.782.597

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần DTBYT Nam Trung	35.117.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cửu Long	1.037.460.500	-
Người mua trả tiền trước khác	36.448.700	36.448.700
TỔNG CỘNG	36.190.909.200	36.448.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.174.071.595	362.195.410.138	(360.815.002.469)	66.554.479.264
Thuế giá trị gia tăng	7.159.299.598	51.573.558.550	(49.904.714.223)	8.828.143.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	2.650.381.467	4.041.249.561	(3.697.370.557)	2.994.260.471
Thuế thu nhập cá nhân	164.233.026	1.553.357.824	(987.176.862)	730.413.988
Tiền thuê đất	410.009.833	395.885.336	(805.895.169)	-
Thuế tài nguyên	2.109.800	-	(2.109.800)	-
Thuế khác	280.000.000	-	(280.000.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>75.840.105.319</u>	<u>419.759.461.409</u>	<u>(416.492.269.080)</u>	<u>79.107.297.648</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trích chi phí sử dụng vỏ chai (Thuyết minh số 25)	3.475.000.000	-
Chi phí lãi vay	4.800.651.755	3.365.229.125
Chi phí hỗ trợ tiếp thị thị trường	5.266.311.856	-
Trích trước chi phí trợ cấp mất việc làm	-	1.775.341.250
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.660.921.921	1.947.116.981
TỔNG CỘNG	<u>15.202.885.532</u>	<u>7.087.687.356</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả	20.345.635.073	4.360.805.073
Phải trả ngắn hạn khác	169.013.364	94.569.762
TỔNG CỘNG	<u>20.514.648.437</u>	<u>4.455.374.835</u>
Trong đó:		
Phải trả bên thứ ba	5.724.648.437	4.455.374.835
Phải trả từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	14.790.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số phát sinh trong kỳ		Giảm	Giá trị	VND
	Tăng	Giảm			
				Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
				Giá trị	Giá trị
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	415.663.221.765	(405.134.757.453)		154.469.396.293	164.997.860.605
Vay dài hạn đến hạn trả	-	(43.000.000.000)		43.000.000.000	-
	415.663.221.765	(448.134.757.453)		197.469.396.293	164.997.860.605
Vay dài hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	-	(57.500.000.000)		245.500.000.000	188.000.000.000
TỔNG CỘNG	415.663.221.765	(505.634.757.453)		442.969.396.293	352.997.860.605

17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Vay ngắn hạn ngân hàng thể hiện các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Nhóm Công ty thu thập các khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay này được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%)	Hình thức đảm bảo
01/2015-HĐTĐHM/NHCT908-WSB ngày 25 tháng 5 năm 2015	54.628.598.885	Ngày 7 tháng 7 năm 2016	từ 4,6 đến 4,7	Tin chấp
01/2015-HĐTĐ/NHCT908-BIAMIENTAY ngày 18 tháng 12 năm 2015	69.500.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2016	5	Tin chấp
01/2015-HĐTĐHM/NHCT908-BSGST	40.869.261.720	Ngày 20 tháng 12 năm 2016	4,6	Tin chấp
TỔNG CỘNG	164.997.860.605			

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngân hàng dài hạn

Vay dài hạn từ ngân hàng thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Chi tiết khoản vay này được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%)	Hình thức đảm bảo
14.052.001/2014-HETDDA/NHCT908-WSB ngày 6 tháng 3 năm 2014	40.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 8 năm 2017 tới ngày 29 tháng 5 năm 2018	6,5	Tài sản hình thành từ dự án đồng bộ hóa Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít / năm (Thuyết minh số 8)
12.034.010/HETD ngày 12 tháng 9 năm 2012	148.000.000.000	Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018 đến 21 tháng 10 năm 2021	6,5	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bia Sài Gòn Sóc Trăng. (Thuyết minh số 8)
TỔNG CỘNG	188.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	145.000.000.000	184.283.322.027	87.759.492.781	417.042.814.808
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	50.838.195.066	50.838.195.066
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển	-	(1.590.474.116)	1.590.474.116	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.744.008.710)	(3.744.008.710)
Cổ tức công bố	-	-	(36.250.000.000)	(36.250.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	145.000.000.000	182.692.847.911	100.194.153.253	427.887.001.164
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	145.000.000.000	204.940.923.641	109.960.491.656	459.901.415.297
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	42.809.634.700	42.809.634.700
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển	-	182.015.875	(182.015.875)	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.215.009.677)	(2.215.009.677)
Cổ tức công bố	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	145.000.000.000	205.122.939.516	106.873.100.804	456.996.040.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	73.950.000.000	51	73.950.000.000	51
Cổ đông khác	71.050.000.000	49	71.050.000.000	49
TỔNG CỘNG	145.000.000.000	100	145.000.000.000	100

18.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ phiếu đã được duyệt	14.500.000	14.500.000
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000

18.4 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức phải trả đầu kỳ	4.360.805.073	14.820.602.073
Cổ tức công bố trong kỳ	43.500.000.000	36.250.000.000
Trong đó: Cổ tức chi bằng tiền	(27.515.170.000)	(27.398.292.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu bán hàng	424.030.198.070	360.922.435.760
Doanh thu dịch vụ	615.000.000	1.034.978.593
Doanh thu khác	4.758.169.785	6.747.201.796
TỔNG CỘNG	<u>429.403.367.855</u>	<u>368.704.616.149</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	5.318.259.586	5.860.011.050
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	424.085.108.269	362.844.605.099

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.525.000.000	2.525.000.000
Lãi tiền gửi	45.355.394	592.053.243
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.410.495	-
TỔNG CỘNG	<u>2.581.765.889</u>	<u>3.117.053.243</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn hàng bán	351.523.383.843	288.413.201.196
Giá vốn cung cấp dịch vụ	380.395.926	695.587.882
Giá vốn khác	473.877.307	3.467.366.905
TỔNG CỘNG	<u>352.377.657.076</u>	<u>292.576.155.983</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí công tác thị trường	5.938.775.509	60.291.000
Các chi phí khác	15.892.387	29.578.784
	<u>5.954.667.896</u>	<u>89.869.784</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên vật liệu	197.171.025	197.087.368
Chi phí lương	8.239.070.939	6.620.206.169
Chi phí khấu hao	538.846.675	776.252.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.487.319.525	1.673.394.120
Các chi phí khác	4.471.448.820	4.512.105.570
	<u>14.933.856.984</u>	<u>13.779.045.597</u>
TỔNG CỘNG	<u>20.888.524.880</u>	<u>13.868.915.381</u>

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Thu nhập khác		
Thu nhượng bán, thanh lý	2.388.897.389	-
Thu tiền bán phế liệu, phế phẩm	7.109.091	44.561.000
Các khoản thu khác	203.540.883	151.317.318
	<u>2.599.547.363</u>	<u>195.878.318</u>
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	17.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản chờ thanh lý	3.125.971.550	-
Chi phí khác	786.384.131	2.083.903
	<u>3.929.355.681</u>	<u>2.083.903</u>
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN	<u>(1.329.808.318)</u>	<u>193.794.415</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu	278.437.265.578	227.257.475.153
Chi phí nhân công	28.513.933.384	28.912.017.704
Chi phí khấu hao	30.526.240.918	34.229.943.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.898.485.918	16.925.122.307
Chi phí khác	12.838.427.804	10.446.726.403
TỔNG CỘNG	<u>372.214.353.602</u>	<u>317.771.285.481</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty được hưởng mức thuế TNDN ưu đãi 15% trong mười hai (12) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (năm 2005), được miễn ba (3) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo (năm 2008) cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

SSB được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong mười lăm (15) năm (năm 2012) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp cho chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>4.041.249.561</u>	<u>5.782.883.715</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.850.884.261	56.621.078.781
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	3.695.038.416	158.892.981
Thay đổi chi phí trích trước	2.417.033.619	-
Doanh thu không tính thuế	(5.467.713.215)	(6.398.640.891)
Thu nhập chịu thuế ước tính	47.495.243.081	50.381.330.871
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế	4.298.186.700	3.886.944.800
Thu nhập chịu thuế được giảm thuế	20.873.000.574	28.122.473.964
Thu nhập chịu thuế được miễn thuế	22.324.055.807	18.371.912.107
Thuế TNDN phải trả ước tính	4.041.249.561	5.782.883.715
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	2.650.381.467	5.702.992.644
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.697.370.557)	(10.188.041.917)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	2.994.260.471	1.297.834.442

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng Mua nguyên vật liệu Cổ tức phải trả Khác	423.867.227.219 237.282.719.261 22.185.000.000 -	- 41.750.106.264 18.487.500.000 56.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	2.279.917.000	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ Bán nguyên vật liệu Cho mượn vật tư Khác	10.240.000 18.868.500 103.643.603 10.242.000	7.296.000 - 18.482.340 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Bên liên quan	Cổ tức phải thu	2.525.000.000	1.515.000.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	47.313.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Hậu	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	37.400.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu tại Sóc Trăng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	546.924.500	3.915.000
	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	37.848.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu Cổ tức phải thu Khác	18.868.500 5.005.000.000 -	- 2.402.400.000 77.250.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	-	362.142.866.676
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	-	44.561.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Sabeco	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	2.032.557.500	1.162.800.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	199.012.550	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Sabeco	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	9.875.275	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
VND				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	11.158.610.100	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	20.179.897	23.811.458
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ	11.531.369	11.209.322
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Đầu tư khác	Doanh thu dịch vụ	1.830.400	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	-	65.736.738.540
			11.192.151.766	65.771.759.320
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế tiêu thụ đặc biệt chi hộ	131.508.005.554	131.508.005.554
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Đầu tư khác	Cho mượn vật tư	92.679.503	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Khác	18.122.651	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Khác	10.355.801	-
		Cổ tức phải thu	-	2.002.000.000
			131.629.163.509	133.510.005.554

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)					
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	67.842.193.602	94.765.636.941	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	27.096.300	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	84.157.500	
			67.842.193.602	94.876.890.741	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)					
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Khác	151.440.219	151.440.219	
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	14.790.000.000	-	
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 15)					
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Trích chi phí vô chai	3.475.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Quỹ tiền lương, thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Quỹ tiền lương và thưởng	<u>3.795.128.105</u>	<u>3.161.053.829</u>

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Nhóm Công ty (VND)	42.809.634.700	50.838.195.066
Trừ: quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(6.421.445.205)</u>	<u>(7.414.816.195)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty	36.388.189.495	43.423.378.871
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	<u>14.500.000</u>	<u>14.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	2.510	2.995
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	2.510	2.995

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của kỳ trước theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2016/NQ-ĐHCD ngày 10 tháng 3 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm nay theo kế hoạch của Công ty.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

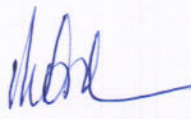
27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	625.539.108	627.928.273
Từ 1 đến 5 năm	3.533.129.114	3.898.649.781
Trên 5 năm	27.364.434.587	27.908.792.671
TỔNG CỘNG	<u>31.523.102.809</u>	<u>32.435.370.725</u>

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Phạm Đình Hùng
Giám đốc 

Ngày 25 tháng 8 năm 2016